UBND TỈNH KON TUM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ
Chương trình dạy học liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CĐKT ngày 04/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum)

1. Thông tin chung về Chương trình đào tạo

- Tên chương trình

+ Tiếng Việt: Giáo dục Mầm non

+ Tiếng Anh: Pre - School Education

- Tên ngành đào tạo: 51140201

+ Tiếng Việt: Giáo dục Mầm non

+ Tiếng Anh: Pre - School Education

- Mã ngành đào tạo :

- Trình độ đào tạo : Cao đẳng

- Thời gian đào tạo : 1,5 năm

- Tên văn bằng tốt nghiệp: Cao đẳng Giáo dục Mầm non

- Hình thức đào tạo : Liên thông vừa làm vừa học

- Phương thức đào tạo : Theo phương thức tích luỹ tín chỉ.

- Đơn vị được giao nhiệm vụ: Khoa Sư phạm

- Đơn vị cấp bằng : Trường Cao đẳng Kon Tum.

- Số tín chỉ yêu cầu : 50 tín chỉ *(chưa tính Giáo dục quốc phòng và an ninh và Giáo dục thể chất)*.

- Thang điểm : 4

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, ngành Giáo dục Mầm non (GDMN) được xây dựng nhằm đào tạo cử nhân cao đẳng ngành GDMN có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; có hiểu biết cơ bản, hệ thống về sự phát triển của trẻ; tổ chức và phát triển chương trình GDMN hiệu quả; có năng lực nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học vào thực tiễn GDMN; có khả năng tự học, tự bồi dưỡng, có tư duy độc lập, sáng tạo, chủ động, thích ứng với sự phát triển của GDMN; có khả năng học tập, bồi dưỡng trình độ chuyên môn cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức

- PO1: Trình bày và ứng dụng được hệ thống kiến thức chung về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

- PO2: Trình bày được kiến thức khoa học cơ bản, làm cơ sở tiếp thu kiến thức chuyên ngành và ứng dụng được vào tổ chức các hoạt động ở các cơ sở GDMN.

- PO3: Ứng dụng được các kiến thức chuyên ngành vào việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở GDMN; phân tích và đánh giá được chương trình, các hoạt động GDMN.

2.2.2. Kỹ năng

- PO4: Nhận thức và tư duy sáng tạo trong lập kế hoạch, tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và đánh giá sự phát triển về thể chất, tâm lý của trẻ.

- PO5: Tổ chức được các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; phát triển chương trình GDMN phù hợp với văn hoá điều kiện của địa phương và tổ chức thực hiện chương trình GDMN; thực hiện thành thạo kỹ năng truyền đạt, kỹ năng giao tiếp ứng xử trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PO6: Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; hướng dẫn người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; có trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; tự đánh giá và đánh giá chất lượng thực hiện công việc của đồng nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Mức độ năng lực
	3.1.1. Kiến thức	
	3.1.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	
PLO 01	Trình bày được những kiến thức chung về chính trị, xã hội và pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu công việc của người giáo viên mầm non.	3
	3.1.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành	
PLO 02	Trình bày được kiến thức cơ sở ngành, làm cơ sở tiếp thu kiến thức chuyên ngành; ứng dụng được những kiến thức cơ bản về tâm lý, giáo dục trẻ, công nghệ thông tin vào việc hình thành năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất nghề nghiệp của giáo viên mầm non.	3
	3.1.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành	
PLO 03	Ứng dụng được các kiến thức chuyên ngành và cập nhật những thành tựu mới của GDMN vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.	3
	Ứng dụng được những kiến thức chuyên ngành về lý luận và phương pháp tổ chức các hoạt động âm nhạc, phát triển ngôn ngữ, hoạt động tạo hình, phát triển vận động, xây dựng và phát triển chương trình, đánh giá trong GDMN… vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non;	4
	Ứng dụng được những kiến thức chuyên ngành về lý luận và phương pháp tổ chức các hoạt động âm nhạc, phát triển ngôn ngữ, hoạt động tạo hình, phát triển vận động, xây dựng và phát triển chương trình, đánh giá trong GDMN… vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non;	4

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Mức độ năng lực
	Ứng dụng được một số kiến thức trong những kiến thức chuyên ngành (bổ trợ, tự chọn): Giáo dục hòa nhập; phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến... vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở các cơ sở GDMN;	4
	Phân tích, đánh giá được chương trình và các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non trên cơ sở tích lũy các khối kiến thức trên.	3
PLO 04	Ứng dụng được kiến thức về công nghệ thông tin trong thiết kế và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.	3
PLO 05	*3.1.2. Kỹ năng*	
	3.1.2.1. Kỹ năng cứng	
	Kỹ năng nhận thức và tư duy sáng tạo	3
	Phát hiện, phân tích và giải quyết được vấn đề trong quá trình nghiên cứu, tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;	3
	Quan sát, đánh giá được sự phát triển của trẻ và sử dụng kết quả đánh giá trong thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.	3
PLO 06	Kỹ năng thực hành nghề nghiệp giáo viên mầm non	4
	Tổ chức được các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe: Đảm bảo vệ sinh môi trường lớp học, tổ chức thực hiện các hoạt động vệ sinh, dinh dưỡng và chăm sóc trẻ hàng ngày; ứng dụng được kiến thức về bệnh học và đảm bảo an toàn cho trẻ	4

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Mức độ năng lực
	để phòng tránh, chăm sóc ban đầu một số bệnh, tai nạn thương tích thường gặp ở trẻ; hướng dẫn trẻ bước đầu biết cách tự chăm sóc và đảm bảo an toàn cho bản thân;	
	Tổ chức được các hoạt động giáo dục: Xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục; lựa chọn nội dung, thiết kế các hoạt động, sử dụng phối hợp các phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục theo quan điểm "giáo dục lấy trẻ làm trung tâm"; quản lý trẻ, quản lý nhóm, lớp có hiệu quả;	4
	Phát triển chương trình GDMN phù hợp văn hoá, điều kiện của địa phương và tổ chức thực hiện.	4
	3.1.2.2. Kỹ năng mềm	
PLO 07	Kỹ năng truyền đạt	3
	Sử dụng thành thạo phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ phù hợp trong giao tiếp với các đối tượng khác nhau;	3
	Quản lý được cảm xúc của bản thân, ứng xử một cách thân thiện và tôn trọng sự khác biệt của trẻ, phụ huynh và đồng nghiệp;	3
	Thiết lập và duy trì được mối quan hệ hợp tác tích cực với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp.	3
PLO 08	Sử dụng ngoại ngữ	3
	Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam, có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong một số nhiệm vụ cụ thể được giao.	3
	3.1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm	

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Mức độ năng lực
PLO 09	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.	3
	Tuân thủ các quy định và rèn luyện đạo đức nhà giáo; yêu nghề, mến trẻ; chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ đồng nghiệp trong rèn luyện đạo đức và xây dựng phong cách nhà giáo;	3
	Có ý thức chủ động, làm việc độc lập và hợp tác làm việc theo nhóm trong môi trường GDMN hiện đại;	3
	Thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, linh hoạt, năng động, sáng tạo, thích ứng để giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.	3
PLO 10	Hướng dẫn, hỗ trợ những người khác thực hiện nhiệm vụ; xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	4
	Hướng dẫn, hỗ trợ những người khác thực hiện nhiệm vụ; xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	4
	Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.	4
PLO 11	Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm	3
	Tự đánh giá chất lượng thực hiện công việc để hoàn thiện, phát triển bản thân;	3
	Đánh giá chất lượng thực hiện công việc của đồng nghiệp.	3

3.2. Chuẩn đầu ra của học phần

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
1	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam. Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; phòng, chống các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, về tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác, về an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng, an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.	PLO1	2
		Thực hiện đúng các động tác trong kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; ném lựu đạn bài 1. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác.	PLO 05 PLO 07	2 2
		Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác	PLO 09	2

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
		và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động. Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.	PLO 11	2
2	Giáo dục thể chất	Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học; ý nghĩa, tác dụng và tầm quan trọng của Giáo dục thể chất đối với cơ thể con người; kỹ thuật các môn chạy, nhảy, ném đẩy, bóng chuyền. Liệt kê các lỗi thường mắc phải trong quá trình tập luyện và thi đấu, sửa sai và ứng dụng vào tập luyện để đạt kết quả cao.	PLO1	2
		Thực hiện đúng các kỹ thuật động tác cơ bản: kỹ thuật chạy cự ly ngắn 80 - 100m; kỹ thuật nhảy xa kiểu ưỡn thân; kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng. Thực hiện đúng kỹ thuật bóng chuyền: chuyền bóng, phát bóng, chắn bóng, đập bóng chính diện theo phương lấy đà và chắn bóng.	PLO 05 PLO 07	2 2

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
		Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác. Nhận thức đúng đắn trong tập luyện thể dục thể thao, để nâng cao sức khỏe và cải thiện thể chất con người Việt Nam.	PLO 09 PLO 11	2 2
3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	Trình bày được quá trình hình thành và phát triển của chủ nghĩa Mác – Lênin; quan điểm của triết học Mác - Lênin về: vật chất, ý thức, mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức. Giải thích được nội dung hai nguyên lý, ba quy luật và sáu cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật. Phân tích được sự vận động, phát triển của xã hội loài người là tuân theo quy luật khách quan; vai trò to lớn của nhân tố chủ quan đối với sự vận động của lịch sử.	PLO 01	2, 4
		Ứng dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin vào hoạt động thực tiễn đời sống, học tập, công tác. Ứng dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường	PLO 05 PLO 07	2 2

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
		lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam. Thực hiện được kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung môn học.		
		Có ý thức tự giác và hình thành thói quen học tập tốt bộ môn; từng bước giúp sinh viên thiết lập được thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành cần đào tạo; có ý thức bảo vệ những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đấu tranh chống những quan điểm sai trái; có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước.	PLO 09 PLO 11	2 2
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trình bày được khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh, cơ sở và quá trình hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản trong hệ thống quan điểm tư tưởng Hồ Chí Minh. Phân tích được vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới.	PLO 01	4
		Ứng dụng những kiến thức đã học về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh để thực hiện được hoạt động thực tiễn đời sống,	PLO 05 PLO 07	2 2

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
		học tập, công tác. Thực hiện được kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung môn học.		
		Có ý thức tự giác trong học tập bộ môn; có tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm công dân, ý thức kỷ luật và thái độ nghề nghiệp đúng đắn, ham tìm hiểu và học tập suốt đời; phản biện lại những quan điểm, cách nhìn nhận sai, xuyên tạc về Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh.	PLO 09 PLO 11	2 2
5	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Trình bày tính tất yếu lịch sử sự ra đời và quá trình hình thành của Đảng Cộng sản Việt Nam; những nội dung cơ bản của đường lối, chính sách của Đảng trong từng giai đoạn, thời kỳ của cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay; đánh giá đúng thành tựu và hạn chế của việc thực hiện đường lối cách mạng của Đảng qua mỗi thời kỳ. Phân tích được nội dung chính của đường lối, chính sách lớn của Đảng trên các lĩnh vực trong thời kỳ đổi mới.	PLO 01	4
		Ứng dụng kiến thức đã học để chủ động, tích cực trong việc giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối,	PLO 05 PLO 07	2 2

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
		chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước. Rèn luyện năng lực tư duy phân tích tình hình, phát hiện mâu thuẫn, nhu cầu và xác định nhiệm vụ, điều kiện thực hiện nhiệm vụ lịch sử đặt ra; góp phần bồi dưỡng năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề do thực tiễn đặt ra. Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và trình bày kết quả học tập, nghiên cứu.		
		Nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trước những vấn đề trọng đại của đất nước. Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm tiêu cực, sai trái. Bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước. Vận dụng kiến thức trong việc giải quyết các vấn đề đặt ra trong đời sống cũng như trong công việc.	PLO 09 PLO 11	2 2
6	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành	Hiểu được các khái niệm cơ bản quản lý, quản lý hành chính nhà nước, quản lý nhà nước về giáo dục; vận dụng chính xác các nội dung, quy trình hoạt động quản lý hành chính nhà nước, công cụ, hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước; vận dụng Luật giáo dục, Điều lệ trường học vào bậc học.	PLO 01 PLO 02 PLO 03	2 2 3

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
		Thực hiện được các các kỹ năng quan sát trong quá trình học tập; thảo luận nhóm, thuyết trình, nghiên cứu và đọc tài liệu liên quan về quản lý nhà nước về giáo dục; Thực hiện đúng Luật giáo dục, Điều lệ trường học vào việc tổ chức dạy học, giáo dục và hoạt động phù hợp với các đặc điểm sinh lý tuổi nhà trẻ và mẫu giáo.	PLO 05 PLO 06	2 2
		Có khả năng đánh giá, thừa nhận sản phẩm làm việc nhóm trong học tập. Có thái độ tích cực, đáp ứng được sự phân công công việc trong quá trình học tập.	PLO 09 PLO 10 PLO 11	3 3 2
7	Tiếng Anh nâng cao	Trình bày được các kiến thức ngữ âm-âm vị, ngữ pháp, từ vựng và kiến thức văn hóa xã hội của các nước nói tiếng Anh ở trình độ cận trung cấp. Phân biệt, so sánh văn phong học thuật và văn phong hội thoại, cách dựng câu, cách sử dụng từ và câu phổ biến.	PLO 01	3
		Sử dụng kiến thức ngữ liệu để giao tiếp, thực hành và phát triển các kỹ năng tiếng (đọc, nghe, nói, viết) ở mức độ cận trung cấp.	PLO 08	3
		Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu tích lũy	PLO 09 PLO 11	2 3

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
		kiến thức, kinh nghiệm, giải quyết tình huống giao tiếp với tư duy logic và sáng tạo; thích nghi và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường thay đổi.		
8	Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non	Mô tả đúng các khái niệm, đặc điểm tâm lý trẻ từ 0 - 6 tuổi. Mô tả được đặc điểm của các hoạt động: hoạt động với đồ vật, hoạt động vui chơi, hoạt động học tập, hoạt động lao động của trẻ ở trường mầm non. Vận dụng được kiến thức tâm lý học trẻ em vào việc tổ chức, thiết kế một số hoạt động giáo dục cơ bản.	PLO 01 PLO 02 PLO 03	2 3 3
		Vận dụng chính xác các kiến thức về giáo dục học vào giải quyết các bài tập thực hành. Sử dụng các hiểu biết về khoa học giáo dục vào đánh giá, giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn của bậc mầm non.	PLO 05 PLO 06 PLO 07	3 2 4
		Xây dựng cho sinh viên lòng yêu thích môn học; thái độ, động cơ đúng đắn, tích cực trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ, hình thành những phẩm chất cần thiết của người giáo viên mầm non; có ý thức tu dưỡng, rèn luyện, phát triển phẩm chất và năng lực sư phạm để trở thành người giáo viên đáp ứng được yêu	PLO 09 PLO 10 PLO 11	3 2 3

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
		cầu của xã hội.		
9	Giáo dục học mầm non	Trình bày được các khái niệm, đặc điểm của hoạt động vui chơi, hoạt động học tập, hoạt động lao động của trẻ ở trường mầm non; mô tả, giải thích được một số hoạt động giáo dục cơ bản. Vận dụng các kiến thức về giáo dục học mầm non vào giải quyết các bài tập thực hành.	PLO 01 PLO 02 PLO 03	2 3 3
		Sử dụng chính xác kiến thức khoa học giáo dục vào đánh giá, giải quyết những tình huống giáo dục của bậc mầm non. Xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục phù hợp; sử dụng phối hợp các phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục theo quan điểm "giáo dục lấy người học làm trung tâm".	PLO 05 PLO 06 PLO 07	2 3 2
		Xây dựng cho sinh viên lòng yêu thích môn giáo dục học; thái độ đúng đắn, tích cực trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ, hình thành những phẩm chất cần thiết của người giáo viên mầm non. Có ý thức tu dưỡng, rèn luyện, phát triển phẩm chất và năng lực sư phạm để trở thành người giáo viên đáp ứng được yêu cầu của xã	PLO 09 PLO 10 PLO 11	3 3 4

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
		hội.		
10	Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm	Trình bày được kiến thức cơ bản về Văn học dân gian và Văn học thiếu nhi Việt Nam: sự ra đời, phát triển, đặc trưng, giá trị… Phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm văn học thiếu nhi tiêu biểu và một số tác phẩm trong chương trình GDMN; nhận biết được cách thức đọc, kể diễn cảm ở các thể loại văn học khác nhau	PLO 01 PLO 02	2 3
		Tóm tắt, khái quát được nội dung của các tác phẩm văn học thiếu nhi tiêu biểu trong chương trình GDMN. Lựa chọn thành thạo các tác phẩm thơ, truyện đưa vào trong hoạt động cho trẻ làm quen với thơ, truyện ở trường mầm non. Đọc, kể các tác phẩm văn học một cách diễn cảm, thu hút được người nghe, truyền tải được nội dung tác phẩm đến người nghe.	PLO 05 PLO 07	3 3
		Tích cực rèn luyện kỹ năng đọc, kể diễn cảm một số tác phẩm thơ, truyện trong chương trình mầm non. Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng này vào việc học tập môn học làm quen với văn học và giảng dạy trong tương lai.	PLO 09 PLO 11	3 2

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
		Có kỹ năng hoạt động nhóm; các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tham khảo các giáo trình, tài liệu liên quan đến học phần.		
11	Ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN	Trình bày được một số khái niệm liên quan đến internet, email; mô tả được các chức năng của phần mềm Microsoft PowerPoint, Violet, phần mềm xử lý âm thanh, phim.	PLO 01 PLO 02 PLO 03 PLO 04	1 3 3 4
		Có kỹ năng xây dựng được bài trình diễn sinh động theo yêu cầu bằng phần mềm PowerPoint; tìm kiếm được thông tin trên internet và tải được một số chương trình, tài liệu phục vụ dạy học; xây dựng được một số trò chơi, hoạt động học tập cơ bản cho trẻ bằng phần mềm Violet; sử dụng các phần mềm chỉnh sửa âm thanh, biên tập phim để tạo các tài liệu đa phương tiện phục vụ dạy học; vận dụng kiến thức vào việc ứng dụng kết hợp được các phần mềm đã học để thiết kế bài giảng điện tử hoàn chỉnh theo giáo án mầm non, nhằm hỗ trợ tiết học giáo dục trẻ: Có ứng dụng đa phương tiện, thiết kế trò chơi, các hoạt động cho bé.	PLO 06 PLO 07	4 2
		Nhận thức được tầm quan trọng, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin trong đời sống, học	PLO 09 PLO 10	3 2

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
		tập và nghề nghiệp; mong muốn tạo ra các sản phẩm là các bài giảng, đoạn phim, âm thanh, một số trò chơi phục vụ tổ chức dạy học trong chuyên ngành GDMN.	PLO 11	4
12	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	Trình bày được khái niệm về hoạt động tạo hình, ý nghĩa của hoạt động tạo hình đối với sự phát triển trẻ mầm non; giải thích được cách sử dụng các phương pháp, hình thức vào việc tổ chức cho trẻ hoạt động tạo hình và hướng dẫn tạo hình theo các thể loại; phân tích được sự khác nhau trong cấu trúc của các tiết dạy tạo hình theo các thể loại.	PLO 03	3
		Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động tạo hình theo các thể loại ở trường mầm non một cách linh động, sáng tạo; tổ chức tốt hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non theo các lứa tuổi trong chương trình GDMN; vận dụng những hiểu biết về hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non vào thực tế chăm sóc giáo dục trẻ.	PLO 05 PLO 06 PLO 07	4 4 4
		Nhận thức được tầm quan trọng của việc tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ ở trường mầm non; hình thành tình yêu nghề nghiệp và có ý thức tự giác trong quá trình tham gia môn học.	PLO 09 PLO 10 PLO 11	3 3 3

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
13	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc	Hiểu và trình bày được vị trí, vai trò của âm nhạc trong giáo dục toàn diện cho trẻ; đặc điểm, năng lực âm nhạc của trẻ mầm non ở các độ tuổi; hiểu và phân tích được nhiệm vụ, nội dung, phương pháp và các hình thức tổ chức giáo dục âm nhạc cho trẻ ở trường mầm non; hiểu và phân tích được ý nghĩa, đặc điểm, hình thức và các bước tiến hành dạy trẻ ca hát, vận động theo nhạc, nghe nhạc, trò chơi âm nhạc.	PLO 01 PLO 02 PLO 03 PLO 04	2 2 3 3
		Vận dụng được các phương pháp, hình thức giáo dục âm nhạc vào việc tổ chức các thể loại hoạt động âm nhạc cho trẻ trong mầm non như: ca hát, nghe nhạc, vận động theo nhạc, trò chơi âm nhạc; có khả năng thuyết trình, làm việc nhóm. Lập được kế hoạch tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ ở trường mầm non.	PLO 05 PLO 06	3 4
		Nghiêm túc, có ý thức, trách nhiệm, hợp tác trong học tập và tích cực vận dụng vào dạy học ở trường mầm non; có tinh thần tự học, tự nghiên cứu. Bồi dưỡng tình cảm thẩm mỹ, cảm thụ cái đẹp, yêu cái đẹp trong nghệ thuật.	PLO 09 PLO 10 PLO 11	3 3 3
14	Lý luận và	Diễn đạt được các khái niệm cơ bản về phương pháp phát triển ngôn ngữ trẻ em. Mô	PLO 01 PLO 02	2 2

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
	phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ	tả được nhiệm vụ, nội dung, phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ (giáo dục ngữ âm, phát triển vốn từ, sử dụng mẫu câu, phát triển lời nói mạch lạc, phát triển lời nói nghệ thuật) ở từng độ tuổi. Phân tích nhiệm vụ, nội dung, phương pháp chuẩn bị cho trẻ học tiếng Việt ở trường Tiểu học.	PLO 03 PLO 04	3 3
		Hoàn thành việc vận dụng tổng hợp các kiến thức vào việc lập kế hoạch, thiết kế và tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở các độ tuổi đáp ứng yêu cầu thực tiễn GDMN. Giao tiếp với trẻ, phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực phát triển ngôn ngữ cho trẻ.	PLO 05 PLO 06 PLO 07	3 4 3
		Sinh viên chủ động trong việc rèn luyện năng lực sư phạm, có khả năng làm việc nhóm, có khả năng chịu trách nhiệm và đánh giá được kết quả công việc được giao. Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng này vào việc học tập và giảng dạy trong tương lai.	PLO 09 PLO 10 PLO 11	3 3 3
15	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm	Trình bày được đặc điểm của thơ, truyện viết cho trẻ lứa tuổi mầm non; vai trò của văn học đối với sự phát triển toàn diện cho trẻ; các phương pháp, hình thức cho trẻ làm quen với thơ, truyện. Hiểu rõ các nguyên tắc, hình thức, phương pháp xây dựng kế hoạch giảng	PLO 03	3

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
	quen văn học	dạy làm quen văn học; tổ chức hoạt động dạy học làm quen văn học ở trường mầm non. Vận dụng các nguyên tắc, hình thức, phương pháp vào xây dựng kế hoạch giảng dạy; tổ chức hoạt động dạy học làm quen văn học ở trường mầm non.		
		Có kỹ năng tổ chức hoạt động nhóm; các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; kỹ năng trình bày trước đám đông; kỹ năng xử lý tình huống... Có kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn ở các trường mầm non.	PLO 05 PLO 06 PLO 07	4 4 4
		Có khả năng chịu trách nhiệm và đánh giá được kết quả công việc được giao; có ý thức rèn luyện để thực hiện tốt công tác chăm sóc - giáo dục trẻ. Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong học phần này vào việc học tập các học phần khác và giảng dạy trong tương lai.	PLO 09 PLO 10 PLO 11	3 3 3
16	Lý luận và phương	Ghi chép lại những vấn đề nền tảng của học phần; trình bày được những vấn đề lý luận chung về học phần.	PLO 03	3

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
	pháp tổ chức hoạt động làm quen với toán	Hoàn thành việc thiết kế/ lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá hoạt động làm quen với toán cho trẻ mầm non một cách linh hoạt, khéo léo.	PLO 05 PLO 06 PLO 07	4
		Sinh viên chủ động, tích cực trong hoạt động học tập, hợp tác trong hoạt động nhóm. Nhiệt tình, sáng tạo trong việc tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với toán.	PLO 09 PLO 10 PLO 11	3
17	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh	Trình bày được những vấn đề lý luận chung về phương pháp, nội dung cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh. Phân tích được những vấn đề về ý nghĩa, đặc điểm nhận thức của việc cho trẻ khám phá khoa học; phân biệt được điều kiện và phương tiện cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh. Áp dụng lý luận về các phương pháp vào việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh.	PLO 03	3
		Vận dụng lý luận để thiết kế/ lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá hoạt động khám phá khoa	PLO 05 PLO 06	4

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
		học cho trẻ mầm non. Tổ chức hoạt động nhóm tìm hiểu thực tiễn về môi trường xung quanh, thực hiện hoạt động thí nghiệm về các hiện tượng xung quanh.	PLO 07	
		Sinh viên thích thú học tập, tìm hiểu, khám phá, tìm tòi thiên nhiên, cuộc sống xung quanh, chủ động, sáng tạo trong tổ chức các hoạt động cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh và có thái độ đúng đắn đối với môi trường.	PLO 09 PLO 10 PLO 11	3
18	Những phương pháp giáo dục tích cực trong GDMN	Diễn đạt được các vấn đề chung về đổi mới phương pháp dạy học ở nước ta hiện nay, đặt biệt là ở bậc học mầm non. Mô tả được các phương pháp dạy học tích cực ở bậc học mầm non hiện nay. Phân tích được các hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non theo hướng tích cực, nhằm phát huy tính chủ động và sáng tạo của trẻ mầm non.	PLO 01 PLO 02 PLO 03 PLO 04	3 3 3 3
		Hoàn thành kỹ năng thu thập thông tin, chọn lọc tài liệu học tập và vận dụng chúng vào quá trình dạy học theo hướng tích cực; kỹ năng lập kế hoạch hoạt động, làm đồ dùng	PLO 05 PLO 06 PLO 07	4 4 3

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
		dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng tích cực cho trẻ mầm non .Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực vào việc thiết kế các hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non.	PLO 08	2
		Sinh viên chủ động, tích cực và nghiêm túc trong học tập, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ đồng nghiệp trong rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và tạo dựng phong cách nhà giáo. Sẵn sàng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có khả năng tự học, tự sáng tạo để giải quyết các vấn đề trong công việc, học tập và nghiên cứu, thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết.	PLO 09 PLO 10 PLO 11	3 3 4
19	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển vận động	Diễn đạt được một số khái niệm, cơ sở lý luận của phương pháp giáo dục thể chất, mối quan hệ giữa các phương pháp giáo dục thể chất; trình bày được đặc điểm phát triển thể chất, mục đích, nhiệm vụ và các nguyên tắc giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; mô tả được các nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục thể chất cho trẻ mầm non*;* áp dụng được các bài tập phát triển vận động vào trong quá trình học và dạy sau này nhằm phát triển thể chất cho trẻ mầm non; phân tích sự khác nhau	PLO 02 PLO 03 PLO 04	2 3 3

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
		giữa các bài tập phát triển vận động dành cho các lứa tuổi; nhận xét và đánh giá được công tác giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non.		
		Hoàn thành việc quan sát những vấn đề liên quan đến sự phát triển thể chất cho trẻ ở trường mầm non; tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; vận dụng những hiểu biết về chuyên đề tăng cường phát triển vận động vào thực tế giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; tuyên truyền, tư vấn các bậc phụ huynh trong công tác cơ sở giáo dục trẻ ở trường mầm non cũng như các cơ sở GDMN và tại gia đình có chất lượng.	PLO 05 PLO 06 PLO 07	3 4 3
		Sinh viên chủ động, tích cực trong việc rèn tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp; phát huy tính tự giác, tích cực trong học tập, nghiên cứu, có ý thức vận dụng những hiểu biết về nghề trong giáo dục thể chất trẻ tại trường mầm non.	PLO 09 PLO 10 PLO 11	3 4 3
20	Phát triển và tổ chức thực hiện Chương trình	Sinh viên trình bày được việc phát triển chương trình GDMN, lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình. Hiểu được công tác tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ theo quan điểm tích hợp. Phân tích được các nguyên tắc	PLO 01 PLO 02 PLO 03	2 2 3

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
	GDMN	chung của việc thiết kế môi trường giáo dục, quy trình xây dựng môi trường giáo dục và nội dung, phương pháp, hình thức đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục.	PLO 04	3
		Vận dụng những hiểu biết về phát triển chương trình giáo dục vào việc tổ chức thực hiện chương trình cơ sở giáo dục trẻ theo hướng đổi mới nội dung và hình thức.	PLO 05 PLO 06	3 4
		Học tập, nghiên cứu nghiêm túc Tích cực, chủ động trong học tập và có ý thức tuyên truyền công tác cơ sở giáo dục trẻ cho các bậc cha mẹ và cộng đồng.	PLO 09 PLO 10 PLO 11	3 3 3
21	Đánh giá trong GDMN	Diễn đạt được một số vấn đề chung của đánh giá trong giáo dục mầm non; mục tiêu, nội dung và phương pháp đánh giá trong giáo dục mầm non; Phân tích được cách thức thực hiện đánh giá chương trình giáo dục mầm non và hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non; Phân tích được sự phát triển tâm lý của trẻ mầm non và một số vấn đề chung của việc thiết kế công cụ đo lường và đánh giá sự phát triển của trẻ.	PLO 01 PLO 02 PLO 03	2 3 4
		Hoàn thành việc vận dụng các kiến thức cơ	PLO04	3

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
		bản của đánh giá vào việc đánh giá các hoạt động liên quan đến trường mầm non. Hoàn thành việc áp dụng được các kiến thức trong việc thiết kế công cụ đo lường và đánh giá sự phát triển của trẻ; xây dựng bộ công cụ đánh giá sự phát triển của trẻ 5 tuổi.	PLO 05 PLO 06 PLO 07 PLO 08	4 4 4 2
		SV luôn sẵn sàng, chủ động, tích cực trong việc tự học, tự nghiên cứu. Nghiêm túc, trung thực trong việc đánh giá các hoạt động ở trường mầm non và đánh giá sự phát triển của trẻ.	PLO 09 PLO 10 PLO 11	4 3 3
22	Giáo dục hòa nhập	Diễn đạt được một số kiến thức chung về giáo dục hòa nhập như: Khái niệm; một số quan điểm tiếp cận giáo dục hòa nhập; các yếu tố và đặc điểm giáo dục hòa nhập; tính tất yếu của giáo dục hòa nhập. Mô tả được đặc điểm, nguyên tắc giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non. Phân tích được những hiểu biết về giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt và thúc đẩy, hỗ trợ giáo dục hòa nhập trong trường mầm non. Đánh giá được cách thức thực hiện giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường	PLO 01 PLO 02 PLO 03 PLO 04	2 2 3 3

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
		mầm non.		
		Hoàn thành việc vận dụng những hiểu biết về các phương pháp, biện pháp vào việc lập kế hoạch giáo dục và tổ chức các hoạt động cho trẻ có nhu cầu đặc biệt trong lớp học hoà nhập ở trường mầm non. Thu thập thông tin và đưa ra những đánh giá hợp lý về khả năng phát triển của trẻ có nhu cầu đặc biệt trong từng trường hợp cụ thể. Trên có sở đó xác định được hướng phát triển, đề xuất những biện pháp thích hợp, đưa vào kế hoạch giáo dục cho trẻ. Tư vấn cho phụ huynh và cộng đồng công tác chăm sóc, giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt.	PLO 05 PLO 06 PLO 07	3 3 3
		Sinh viên ý thức, tự giác tích cực trong việc học tập trên lớp và tự học, tự nghiên cứu. Có khả năng phối hợp trong hoạt động nhóm. Có năng lực trong việc lập kế hoạch giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ có nhu cầu đặc biệt trong lớp học hoà nhập ở trường mầm non. Nghiêm túc, trung thực trong việc đánh giá các hoạt động giáo cho trẻ có nhu cầu đặc biệt trong lớp học hoà nhập ở trường mầm non. Sinh viên yêu thích môn học, luôn có tinh thần, thái độ tích cực trong học tập, tìm tòi, tự học, tự nghiên cứu để nâng cao	PLO 09 PLO 10 PLO 11	3 4 3

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
		nhận thức trình độ chuyên môn nghiệp vụ.		
23	Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến	Trình bày được khái niệm, chu trình, khung nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và cách thực hiện đề tài Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến kinh nghiệm trong dạy học và quản lý giáo dục. Mô tả được các công cụ đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến.	PLO 02 PLO 03	2 3
		Thực hiện được các bước làm một đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng: xác định đề tài, lựa chọn thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu, báo cáo kết quả và lập được kế hoạch nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng. Phân biệt được sự giống và khác nhau giữa Sáng kiến kinh nghiệm với đề tài Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng. Áp dụng để đánh giá và thực hiện một đề tài Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, Sáng kiến kinh nghiệm.	PLO 05 PLO 07	3 4
		Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc khi đánh giá hay nghiên cứu đề tài Nghiên cứu khoa học Sư phạm ứng dụng hay Sáng kiến kinh	PLO 09	3

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
		nghiệm. Luôn luôn có tinh thần trách nhiệm, hợp tác trong học tập, tích cực áp dụng các nội dung nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng vào nghiên cứu cải thiện công tác học tập và giảng dạy, quản lý giáo dục ở trường khi công tác	PLO 11	4
24	Quản lý GDMN	Diễn đạt được những vấn đề lý luận chung về quản lý GDMN. Trình bày được những thông tin cơ bản về công tác quản lý của cán bộ quản lý ở trường mầm non, công tác quản lý nhóm/lớp của giáo viên ở trường mầm non.	PLO 03	3
		Phân tích được nghiệp vụ quản lý của cán bộ quản lý và của giáo viên mầm non. Vận dụng kiến thức lý luận cơ bản về quản lý GDMN quan sát hoạt động quản lý của cán bộ quản lý ở trường mầm non, đánh giá việc thực hiện các chức năng quản lý, xử lý các tình huống, xây dựng kế hoạch giáo dục, tổ chức tuyên truyền, đánh giá trẻ sự phát triển của trẻ.	PLO 05 PLO 06 PLO 07	4
		Sinh viên có thái độ tích cực học tập, tìm tòi, nghiên cứu cách tổ chức và hoạt động quản lý trong trường mầm non để từ đó có tinh	PLO 09 PLO 10	3

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
		thần trách nhiệm trong học tập.	PLO 11	
25	Phương pháp giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ mầm non.	Hiểu và trình bày được một số khái niệm về dinh dưỡng và sức khỏe, vai trò của giáo dục dinh dưỡng sức khỏe nói chung và giáo dục dinh dưỡng sức khỏe cho trẻ từ 0-6 tuổi; hiểu và phân tích được nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục dinh dưỡng cho trẻ ở trường mầm non và ở cộng đồng; nắm vững nguyên nhân, tác hại, cách phòng và điều trị bệnh béo phì và bệnh suy dinh dưỡng.	PLO 01 PLO 02 PLO 03 PLO 04	2 2 3 3
		Vận dụng được các phương pháp, hình thức giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe vào lập kế hoạch và tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ ở trường mầm non; có khả năng thuyết trình và tổ chức làm việc nhóm; tuyên truyền, giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe cho trẻ ở trường mầm non và trong cộng đồng.	PLO 05 PLO 06	4 4
		Nghiêm túc, có ý thức, trách nhiệm, hợp tác trong học tập và nghiên cứu; tích cực học tập và sẵn sàng, chủ động áp dụng những kiến thức của môn học vào giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ ở trường mầm non. Vận dụng tích cực vào thực tế cuộc sống.	PLO 09 PLO 10 PLO 11	3 3 3
26	Nghề giáo	Nêu được một số khái niệm, nhiệm vụ và	PLO 03	3

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
	viên mầm non	hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non; diễn giải được những đặc thù trong hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non và phân tích các kỹ năng nghề nghiệp của giáo viên mầm non; phân tích được những khó khăn trong công tác của giáo viên mầm non và chuẩn nghề nghiệp của giáo viên mầm non.		
		Quan sát những vấn đề liên quan đến các hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non; có khả năng đánh giá đồng nghiệp về phẩm chất năng lực theo yêu cầu chuẩn nghề nghiệp; vận dụng những hiểu biết về hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non vào thực tế cơ sở giáo dục trẻ.	PLO 05 PLO 06 PLO 07	4 4 4
		Hình thành tính cẩn thận, trung thực kiên trì, ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp; phát huy tính tự giác, tích cực trong học tập, nghiên cứu.	PLO 09 PLO 10 PLO 11	3 3 3
27	Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non	Diễn đạt được mục tiêu; nội dung, kế hoạch dạy học; mô tả được các yêu cầu cần đạt của chương trình tập nói tiếng Việt; phân tích được phương pháp dạy học; công tác phối hợp giữa gia đình, cộng đồng trong việc dạy	PLO 01 PLO 02 PLO 03 PLO 04	3 3 3 3

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
	người dân tộc thiểu số.	tập nói tiếng Việt cho trẻ và cách đánh giá kết quả học tập của trẻ.		
		Hoàn thành được vận dụng những hiểu biết về các phương pháp, biện pháp vào việc lập kế hoạch giáo dục và tổ chức các hoạt động tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người Dân tộc thiểu số tại địa bàn tỉnh Kon Tum.	PLO 05 PLO 06 PLO 07	2 4 4
		Sinh viên chủ động, tích cực hợp tác trong hoạt động nhóm. Nhiệt tình, sáng tạo trong việc khai thác, tổ chức hoạt động tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người Dân tộc thiểu số tại địa bàn tỉnh Kon Tum.	PLO 09 PLO 10 PLO 11	3 3 3
28	Thực tập tốt nghiệp	Củng cố, ôn luyện và mở rộng những kiến thức chuyên ngành GDMN đã được trang bị tại trường. Quan sát, mô tả các hiện tượng, các vấn đề thực tiễn có liên quan đến chuyên ngành GDMN;	PLO 03	3
		Vận dụng được những kiến thức đã học vào công tác thực tiễn tại các cơ sở giáo dục, bước đầu thực hiện các kỹ năng dạy học, giáo dục vào chăm sóc giáo dục trẻ 0-6 tuổi; xử lý hiệu quả các tình huống trong quá trình dạy học ở	PLO 05 PLO 06 PLO 07	4 4 4

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
		thực tế trường Mầm non;		
		Rèn luyện khả năng tự nghiên cứu, tiếp cận với hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ 0-6 tuổi để thực sau khi tốt nghiệp; Xác định được những vấn đề cần giải quyết, đưa ra phương hướng và các biện pháp giải quyết cụ thể đối với các tình huống dạy học.	PLO 09 PLO 10 PLO 11	3 3 3
29	Khóa luận tốt nghiệp	SV luôn có ý thức, thái độ lắng nghe trong học tập, tìm tòi, tự học, tự nghiên cứu để nâng cao nhận thức trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	PLO 03	3
		Tiến hành được một nghiên cứu khoa học về một đề tài trong lĩnh vực GDMN; thiết kế, tổ chức hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học GDMN. Chuẩn xác trong lập luận, tư duy hệ thống và giải quyết vấn đề.	PLO 05 PLO 06 PLO 07	4 3 3
		Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm trước công việc. Có khả năng nhận định đánh giá và quyết định giải pháp phát triển nhiệm vụ công việc được giao.	PLO 09 PLO 10 PLO 11	3 4 3

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
30	Giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non	Trình bày được một số khái niệm như: các giao tiếp sư phạm, kỹ năng sư phạm; nhận biết được một số dấu hiệu phục vụ cho sự hiểu biết lẫn nhau trong giao tiếp. Vận dụng chính xác các phương tiện giao tiếp, phép lịch sự trong quá trình giao tiếp sư phạm.	PLO 01 PLO 03	2 3
		Sử dụng thành thạo một số kỹ năng nghe, nói, kỹ năng thiết lập các mối quan hệ trong các hoàn cảnh giao tiếp khác nhau; Vận dụng có hiệu quả các kỹ năng giao tiếp sư phạm để nâng cao hiệu quả của quá trình giao tiếp trong công việc cũng như trong cuộc sống thường ngày.	PLO 05 PLO 07	2 4
		Tích cực trong quá trình rèn luyện các kỹ năng giao tiếp sư phạm; thường xuyên, tích cực học hỏi, tích lũy kinh nghiệm, vốn sống để nâng cao khả năng thích ứng trong các mối quan hệ giao tiếp khác nhau.	PLO 09 PLO 10 PLO 11	3 3 4
31	Múa và phương pháp biên soạn các bài múa	Diễn đạt được một số khái niệm về nghệ thuật múa, đặc trưng và vai trò của múa. Mô tả được một số động tác múa dân gian cơ bản của một số dân tộc Việt Nam; trình bày được quy trình biên soạn các bài múa cho trẻ	PLO2 PLO3	2 3

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
	cho trẻ mầm non.	mầm non.		
		Phân biệt được sự khác nhau về chất liệu múa dân gian cơ bản của một số dân tộc Việt Nam. Thực hành thành thạo một số động tác múa dân gian của các dân tộc Việt Nam và một số điệu nhảy cơ bản. Thể hiện có cảm xúc âm nhạc qua hình thể. Ứng dụng phù hợp một số động tác múa dân gian cơ bản vào việc tổ chức hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non; vận dụng biên soạn những bài nhảy, múa để biểu diễn trong các ngày lễ ngày hội ở trường mầm non.	PLO5 PLO6 PLO7	2 3 4
		Tích cực học tập và sẵn sàng, chủ động áp dụng những kiến thức của môn học vào dạy học ở trường mầm non, thực tế cuộc sống. Có tinh thần tự học, tự nghiên cứu. Bồi dưỡng tình cảm thẩm mĩ, cảm thụ cái đẹp, yêu cái đẹp trong nghệ thuật.	PLO9 PLO11	3 2

4. Nội dung Chương trình dạy học

4.1. Cấu trúc chương trình

Các khối kiến thức	Số học phần	Số tín chỉ	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo				
			3.1.1			3.1.2	3.1.3
			3.1.1.1	3.1.1.2	3.1.1.3		
I. Khối kiến thức, kỹ năng giáo dục đại cương	**05 (07)**	**10 (16)**	**X**			**X**	**X**
II. Khối kiến thức, kỹ năng giáo dục chuyên nghiệp	**23**	**40**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
- Kiến thức cơ sở ngành	04	08		X		X	X
- Kiến thức chuyên ngành	10	20			X	X	X
- Kiến thức bổ trợ + Bắt buộc	02	04			X	X	X
+ Tự chọn (chọn 1 học phần)	04	02			X	X	X
- Tốt nghiệp	03	06	X	X	X	X	X

4.2. Quan hệ giữa Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo và Mục tiêu Chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
	PLO 01	PLO 02	PLO 03	PLO 04	PLO 05	PLO 06	PLO 07	PLO 08	PLO 09	PLO 10	PLO 11

PO1	X										
PO2		X									
PO3			X	X							
PO4					X						
PO5						X	X	X			
PO6									X	X	X

4.3. Khung Chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Khối kiến thức /tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	Số giờ lên lớp		Học phần tiên quyết
					LT	TL/TH	
1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**9**
I.	**Khối kiến thức, kỹ năng giáo dục đại cương**		**10 (16)**		**105 (131)**	**75 (199)**	
1	64044003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4	2	26	64	
2	64042001	Giáo dục thể chất	2	1		60	
3	64012001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác	2	1	25	5	không

		- Lênin					
4	64012003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	25	5	64012001
5	64012004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	15	30	64012003
6	64082040	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	2	2	25	5	không
7	64282095	Tiếng Anh nâng cao	2	1	15	30	không
II.	**Khối kiến thức, kỹ năng giáo dục chuyên nghiệp**		**40**		**345**	**510**	
II.1	***Kiến thức cơ sở ngành***		**8**		**80**	**70**	
8	64082037	Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non	2	1	15	30	không
9	64082007	Giáo dục học mầm non	2	2	25	5	64082037
10	64062002	Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm	2	1	25	5	không
11	64272905	Ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN	2	1	15	30	không
II.2	***Kiến thức chuyên ngành***		**20**		**160**	**275**	
12	64092003	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	2	3	15	30	64082007
13	64092004	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động	2	2	15	30	64082037

		âm nhạc					
14	64092005	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ	2	3	15	30	64062002
15	64092006	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động Làm quen văn học	2	3	15	30	64062002
16	64092007	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với toán	2	4	15	30	64082037
17	64092008	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh	2	4	15	30	64082007
18	64092034	Những phương pháp giáo dục tích cực trong GDMN	2	2	15	30	64082007
19	64092009	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển vận động	2	3	15	30	64082037
20	64092012	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục MN	2	2	15	30	64082037
21	64092015	Đánh giá trong GDMN	2	3	25	5	64082007
II.3	***Kiến thức bổ trợ***						
	Bắt buộc		**4**	**0**	**50**	**10**	

22	64092026	Giáo dục hòa nhập	2	2	25	5	64082037
23	64082039	Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến	2	1	25	5	không
	Tự chọn (Chọn 1 trong 4 học phần sau)		**2**		**15**	**30**	
24	64092014	Quản lí GDMN	2	4	25	5	
25	64092030	Phương pháp giáo dục dinh dưỡng và sức khoẻ cho trẻ mầm non.	2	4	15	30	
26	64092016	Nghề giáo viên mầm non	2	4	15	30	64082037
27	64092036	Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số.	2	4	25	5	64082037
II.4	***Tốt nghiệp***		**6**		**40**	**125**	
28	64092021	Thực tập tốt nghiệp	2	4		90	không
29	64094022	Khóa luận tốt nghiệp (KLTN)/ Học phần thay thế KLTN.	4	4			
(Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp thì phải học 2 học phần sau)							
30	64082019	Giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non	2	4	25	5	không
31	64092039	Múa và phương pháp biên soạn các bài múa	2	4	15	30	không

		cho trẻ mầm non .					
Tổng số tín chỉ toàn khoá *(chưa tính Giáo dục quốc phòng và an ninh và Giáo dục thể chất)*			**50**		**450**	**580**	
Tổng số tín chỉ toàn khoá *(tính Giáo dục quốc phòng và an ninh và Giáo dục thể chất)*			**56**		**476**	**709**	

4.4. Ma trận quan hệ giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

STT	**Mã học phần**	**Tên học phần**	**Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo PLOs**									
			1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**
I	**Khối kiến thức, kỹ năng giáo dục đại cương**												
1	64044003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2				2		2		2		2
2	64042001	Giáo dục thể chất	2				2		2		2		2
3	64012001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	4				2		2		2		2
4	64012003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4				2		2		2		2
5	64012004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	4				2		2		2		2
6	64282095	Tiếng Anh nâng cao	3							3	2		3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo PLOs										
			1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**
7	64082040	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	2	2	3		2	2			3	3	2
II	**Khối kiến thức, kỹ năng giáo dục chuyên nghiệp**												
II.1	***Kiến thức cơ sở ngành***												
8	64082037	Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non	2	3	3		3	2	4		3	2	3
9	64082007	Giáo dục học mầm non	2	3	3		2	3	2		3	3	4
10	64062002	Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm	2	3			3		3		3		2
11	64272905	Ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN	1	3	3	4		4	2		3	2	4
II.2	***Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành***												
12	64092003	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình			3		4	4	4		3	3	3
13	64092004	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc	2	2	3	3	3	4			3	3	3
14	64092005	Lý luận và phương	2	2	3	3	3	4	3		3	3	3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo PLOs										
			1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**
		pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ											
15	64092006	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học			3		4	4	4		3	3	3
16	64092007	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với toán			3		4	4	4		3	3	3
17	64092008	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh			3		4	4	4		3	3	3
18	64092034	Những phương pháp giáo dục tích cực trong GDMN	3	3	3	3	4	4	3	2	3	3	4
19	64092009	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển vận động.		2	3	3	3	4	3		3	4	3
20	64092012	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	2	2	3	3	3	4			3	3	3
21	64092015	Đánh giá trong GDMN	2	3	4	3	4	4	4	2	4	3	3
II.3	***Khối kiến thức bổ trợ***												

STT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo PLOs										
			1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**
	Bắt buộc												
22	64092026	Giáo dục hòa nhập	2	2	3	3	3	3	3		3	4	3
23	64082039	Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến		2	3		3		4		3		4
	Tự chọn (Chọn 1 trong 4 học phần sau)												
24	64092014	Quản lý GDMN			3		4	4	4		3	3	3
25	64092030	Phương pháp giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ mầm non.	2	2	3	3	4	4			3	3	3
26	64092016	Nghề giáo viên mầm non			3		4	4	4		3	3	3
27	64092036	Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số.	3	3	3	3	2	4	4		3	3	3
II.4	***Tốt nghiệp***												
28	64092021	Thực tập tốt nghiệp			3		4	4	4		3	3	3
29	64094022	Khóa luận tốt nghiệp			3		4	3	3		3	4	3
	(Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp thì phải học 2 học phần sau)												

STT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo PLOs										
			1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**
30	64082019	Giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non	2		3		2		4		3	3	4
31	64092039	Múa và phương pháp biên soạn các bài múa cho trẻ mầm non .		2	3		2	3	4		3		2

Ghi chú:

- Các mức độ (cấp độ) kiến thức (Từ PLO 01 đến PLO 04): 1. Biết, 2. Thông hiểu, 3. Vận dụng, 4. Phân tích, 5. Tổng hợp, 6. Đánh giá (theo thang Bloom cải tiến).

- Các mức độ (cấp độ) kỹ năng (Từ PLO 05 đến PLO 08): 1. Nhận biết, thiết lập, 2. Làm theo hướng dẫn, 3. Tự làm đúng, 4. Thành thạo, 5. Thích ứng, 6. Sáng chế (theo thang Simpson).

- Các mức độ (cấp độ) năng lực tự chủ và trách nhiệm (Từ PLO 09 đến PLO 11): 1. Tiếp nhận, 2. Phản hồi, 3. Đánh giá, 4. Tổ chức, 5. Ứng xử (theo thang Krathwohl).

5. Ma trận kỹ năng

6. Đánh giá kết quả học tập và điều kiện tốt nghiệp

Đánh giá theo Thông tư số 07/2023/TT-BGDĐT ngày 10/4/2023 của Bộ

trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế đào tạo, trình độ cao đẳng ngành GDMN; Quyết định số 1310/QĐ-CĐKT ngày 02/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum về ban hành Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng ngành GDMN theo phương thức tích luỹ tín chỉ.

6.1. Điểm học phần

6.1.1. Đối với mỗi học phần, kết quả học tập của sinh viên được đánh giá tối thiểu hai điểm thành phần. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi bảo đảm trung thực, công bằng và khách quannhư đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần.

Riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh giá khóa luận được thực hiện trực tuyến với trọng số cao hơn khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

a) Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;

b) Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồngvà sinh viên;

c) Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm và lưu trữ theo đúng quy định.

6.1.2. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

6.1.3. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại điểm d khoản này.

- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳtheo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;

-Những sinh viên làm bài tập lớn không phải dự thi kết thúc học phần, trường

hợp này điểm bài tập lớn có trọng số0,6 và thay thế cho điểm thi kết thúc học phần, điểm thường xuyên có trọng số 0,4;

- Đối với các học phần thực hành, sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành được quy định trong đề cương chi tiết. Điểm trung bình thực hành là trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ.

-Xếp loại:

a) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A: Từ 8,5 đến 10,0;

B: Từ 7,0 đến 8,4;

C: Từ 5,5 đến 6,9;

D: Từ 4,0 đến 5,4.

b) Loại đạt không phân mức, áp dụngcho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: Từ 5,0 trở lên.

c) Loại không đạt:

F: Dưới 4,0.

d) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

6.2. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học

6.2.1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trongmột năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khoá học.

b) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tínhcả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ.

c) Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

6.2.2. Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như dưới đây, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Điểm chữ quy đổi sang điểm số tương ứng theo thang từ 0 tới 4.

A: Quy đổi thành 4;

B: Quy đổi thành 3;

C: Quy đổi thành 2;

D: Quy đổithành 1;

F: Quy đổi thành 0.

6.2.3. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy bao gồm cả điểm học phần được bảo lưu, không bao gồm điểm học phần được miễn trừ và học phần điều kiện. Trường hợp sinh viên được tạm hoãn học học phần thì chưatính khối lượng học tập của học phần đó trong thời gian được tạm hoãn.

- Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy chỉ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ, năm học hoặc khóa học được tính theo kết quả điểm thi kết thúc học phần lần thứ nhất; để xét điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học được tính theo kết quả lần thi kết thúc học phầncó điểm cao nhất.

- Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh là 2 học phần điều kiện; kết quả đánh giá 2 học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy, xếp loại tốt nghiệp nhưng là một trong các điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp vàđược ghi vào bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp.

6.2.4. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình nămhọc hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

a) Theo thang điểm 4:

Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;

Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;

Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;

Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;

Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;

Dưới 1,0: Kém.

b) Theo thang điểm 10:

Từ 9,0 đến 10,0: Xuất sắc;

Từ 8,0 đến cận 9,0: Giỏi;

Từ 7,0 đến cận 8,0: Khá;

Từ 5,0 đến cận 7,0: Trung bình;

Từ 4,0 đến cận 5,0: Yếu;

Dưới 4,0: Kém.

6.2.5. Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

a) Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;

b) Trình độnăm thứ hai: $M \leq N < 2M$;

c) Trình độ năm thứ ba: $2M \leq N < 3M$.

6.3. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

d) Đảm bảo chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ và Tin học theo quy định trong chương trình đào tạo, cụ thể: Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản; có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam.

7. Phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá

7.1. Phương pháp dạy học

Sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học như: thuyết trình, đàm thoại/ phát vấn, thảo luận nhóm/ semina, giảng giải, làm mẫu/ thị phạm, thực hành, bài tập tình huống, giao nhiệm vụ/ hướng dẫn học, luyện tập, đóng vai, trò chơi, giao tiếp… góp phần thực hiện Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo, thể hiện ở bảng sau:

TT	Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
		PLO 01	PLO 02	PLO 03	PLO 04	PLO 05	PLO 06	PLO 07	PLO 08	PLO 09	PLO 10	PLO 11
1	Thuyết trình	x	x	x	x	x		x	x	x		
2	Đàm thoại/ phát vấn	x	x	x	x	x		x	x	x		
3	Thảo luận nhóm, semina	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4	Giảng giải/ diễn giảng	x	x	x	x			x	x			

TT	Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
		PLO 01	PLO 02	PLO 03	PLO 04	PLO 05	PLO 06	PLO 07	PLO 08	PLO 09	PLO 10	PLO 11
5	Làm mẫu/ thị phạm, trực quan		x	x	x		x		x		x	
6	Thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Bài tập tình huống		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8	Giao nhiệm vụ/ Hướng dẫn học	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9	Luyện tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10	Đóng vai	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
11	Trò	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x

TT	Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
		PLO 01	PLO 02	PLO 03	PLO 04	PLO 05	PLO 06	PLO 07	PLO 08	PLO 09	PLO 10	PLO 11
	chơi											
12	Giao tiếp		x						x			
13	Bài tập lớn (nghiên cứu khoa học)	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x
14	Phát hiện và giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x

7.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra, đánh giá như: Tự luận, bài tập lớn, trắc nghiệm, thực hành, bài tập nhóm, bài tập cá nhân, thuyết trình nhóm/ cá nhân, viết báo cáo, thực tập… góp phần thực hiện Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo, thể hiện ở bảng sau:

TT	Phương pháp kiểm tra đánh	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo										
		PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO

	giá	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11
1	Tự luận	x	X	x		x	x	x	x	x	x	x
2	Bài tập lớn	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	Trắc nghiệm	x	X	x	x				x			
4	Thực hành	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5	Bài tập nhóm	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6	Bài tập cá nhân	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Thuyết trình nhóm/ cá nhân	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8	Viết báo cáo	x	X	x	x	x	x	x		x	x	x

8. Thời gian đào tạo

8.1. Thời gian đào tạo của các học phần

Mỗi học phần có khối lượng từ 2 đến 3 tín chỉ, nội dung được bố trí, sắp xếp giảng dạy và phân bố đều trong một học kỳ. Từng học phần được kí hiệu bằng một mã số riêng gọi là mã học phần do Hiệu trưởng quy định.

8.2. Thời gian đào tạo của Chương trình

8.2.1. Thời gian đào tạo giáo viên là thời gian được thiết kế để người học hoàn

thành một chương trình đào tạo cụ thể và đủ điều kiện để nhận văn bằng tốt nghiệp tương ứng với chương trình đó, cụ thể: Thời gian đào tạo giáo viên theo hệ thống tín chỉ là thời gian tích lũy đủ số lượng tín chỉ cho từng chương trình đào tạo giáo viên theo quy định hiện hành.

8.2.2. Thời gian khóa học tối đa để người học hoàn thành chương trình đào tạo giáo viên bao gồm thời gian tối đa để hoàn thành các học phần trong chương trình, được tính từ thời điểm bắt đầu học học phần thứ nhất đến khi hoàn thành học phần cuối cùng của chương trình và thời gian tối đa để hoàn thành các môn thi tốt nghiệp.

Thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình đào tạo giáo viên do Hiệu trưởng quyết định nhưng không vượt quá hai lần thời gian thiết kế cho chương trình theo quy định tại khoản 1 Điều này cộng với thời gian không quá hai năm để hoàn thành khóa học.

Ngoài ra, Hiệu trưởng xem xét, quyết định kéo dài thêm thời gian tối đa đối với người học đang học thuộc vào một trong một số trường hợp sau: Được điều động đi thực hiện nghĩa vụ an ninh - quốc phòng, sau khi hoàn thành nghĩa vụ tiếp tục học tại trường; có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật; vì lý do sức khỏe phải dừng học trong thời gian dài để điều trị; bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học.

8.2.3. Thời gian giảng dạy và học tập, do Hiệu trưởng quy định cụ thể, bảo đảm yêu cầu sau:

a) Thời gian tổ chức giảng dạy được bố trí phải đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện tự nhiên, xã hội cụ thể của địa phương;

b) Tổng thời lượng học tập theo thời khóa biểu đối với người học trong một ngày không quá 8 giờ, trừ các nội dung bắt buộc phải có nhiều thời gian hơn 8 giờ mới đủ điều kiện thực hiện.

9. Các chương trình đào tạo trong nước được đối sánh

- Mô tả Chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng GDMN của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương. Ban hành kèm theo Quyết định số 119/QĐ-CĐSPTW ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

- Chương trình đào tạo ngành GDMN của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang. Ban hành kèm theo Quyết định số 780/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 của Hiệu

trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang.

10. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

I. KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

1. Giáo dục quốc phòng và an ninh 4TC: (LT 26; TH: 64).

Học phần tiên quyết: Không.

Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên liên thông từ trung cấp lên cao đẳng sư phạm là môn học chính khóa.

Sinh viên có những hiểu biết ban đầu về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; về truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

Sinh viên có kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

Nội dung học phần gồm 2 phần: thời lượng 90 tiết gồm

- Công tác quốc phòng và an ninh

- Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.

2. Giáo dục thể chất 2TC: (LT 0; TH: 60).

Học phần tiên quyết: Không.

Giáo dục thể chất là học phần điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. học phần bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

Nội dung Giáo dục thể chất tập trung chủ yếu 2 chuyên đề:

- Chuyên đề Điền kinh: giới thiệu khái quát những nội dung cơ bản cho sinh viên về kỹ thuật chạy cự ly ngắn 80-100m, nhảy xa kiểu ưỡn thân, nhảy cao kiểu úp bụng; giới thiệu một số điều luật cơ bản trong luật Điền kinh.

- Chuyên đề Bóng chuyền: trang bị cho người học tư thế chuẩn bị và di chuyển; kỹ thuật chuyền bóng, phát bóng, chắn bóng, đập bóng chính diện theo phương lấy đà; giới thiệu một số điều luật cơ bản bóng chuyền.

3. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

2TC: (LT 25; TH: 5).

Học phần tiên quyết: Không.

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin gồm chương mở đầu có tính chất nhập môn, nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác – Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục đích môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương:

- Phần thứ nhất có 3 chương (từ chương 1 đến chương 3), bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin;

- Phần thứ hai có 3 chương (từ chương 4 đến chương 6), trình bày học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất Tư bản chủ nghĩa;

- Phần thứ ba có 3 chương (từ chương 7 đến chương 9), trình bày khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về Chủ nghĩa xã hội.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh **2TC: (LT 25; TH: 5)**

Học phần tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Học phần "Tư tưởng Hồ Chí Minh" gồm chương mở đầu có tính chất nhập môn và 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, bao gồm: tư tưởng về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; tư tưởng về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; tư tưởng về Đảng cộng sản Việt Nam; tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; tư tưởng về văn hóa, đạo đức, và xây dựng con người mới.

5. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

2TC: (LT 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Học phần "Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam" gồm chương mở đầu có tính chất nhập môn và 8 chương (từ chương 1 đến chương 8) bao quát những nội dung cơ bản về đường lối của Đảng trong thời kỳ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội; Bồi dưỡng cho người học niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của người học trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước; Giúp người học vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách của Đảng.

6. Quản lý hành chính nhà nước và quản lý Ngành Giáo dục và Đào tạo
2TC: (LT 25; TH: 5)

Học phần tiên quyết: Không.

Học phần Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành là môn học cung cấp những hiểu biết về ngành, về Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, pháp luật, pháp lệnh, cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước, các khái niệm công sở, công vụ..., định hướng chiến lược giáo dục và đào tạo thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa; Luật Giáo dục, Điều lệ trường phổ thông; Những quy định, quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với bậc GDMN, thực tiễn giáo dục địa phương.

7. Tiếng Anh nâng cao 2TC (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Không.

Học phần Tiếng Anh nâng cao cung cấp cho người học các kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và kiến thức văn hóa xã hội của các nước nói tiếng Anh ở trình độ cận trung cấp. Học phần giúp người học phân biệt văn phong học thuật và văn phong hội thoại, cách dựng câu, cách sử dụng từ và câu phổ biến. Học phần giúp người học thực hành và phát triển các kỹ năng tiếng (đọc, nghe, nói, viết) ở mức độ cận trung cấp.

II. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

II.1. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH

8. Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non 2TC (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Không.

Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non là học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ sở ngành bằng cách cung cấp các khái niệm, đặc điểm cơ bản về các hoạt động như: hoạt động với đồ vật, hoạt động vui chơi, hoạt động học tập, hoạt động lao động của trẻ ở trường mầm non. Thông qua đó giúp người học xác định được mối liên hệ giữa các đặc điểm, quy luật phát triển tâm lý của trẻ mầm non khi tổ chức các hoạt động giáo dục cơ bản.

9. Giáo dục học mầm non 2TC (LT: 25; TH: 5)

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non.

Nội dung học phần giáo dục học mầm non đề cập đến các nội dung cơ bản về: Một số khái niệm của giáo dục học, giáo dục học mầm non, các nguyên tắc, nội dung, phương pháp, các hoạt động được tổ chức trong trường mầm non như: vui chơi, học tập, lao động; sự ảnh hưởng của hoạt động vui chơi, của trò chơi đối với sự phát triển nhân cách của trẻ từ 0 - 6 tuổi; giới thiệu một số trò chơi, cách tổ chức trò chơi cho trẻ; học phần cũng đề cập đến việc chuẩn bị tâm lý cho trẻ vào trường phổ thông, công tác quản lý nhóm lớp của các giáo viên mầm non. Đây là những cơ sở hết sức quan trọng để tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường mầm non.

10. Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm 2TC (LT: 25; TH: 5)

Học phần tiên quyết: Không.

Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm là học phần được biên soạn nhằm mục đích phục vụ cho công tác đào tạo giáo viên Mầm non trình độ cao đẳng. Đây là học phần thuộc kiến thức cơ sở, cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về những vấn đề chung như: khái niệm, đặc trưng, vai trò của văn học dân gian đối với trẻ; khái niệm, đặc trưng của văn học thiếu nhi, giới thiệu một số tác giả, tác phẩm văn học thiếu nhi tiêu biểu trong chương trình mầm non; khái niệm, phương pháp, cách thức đọc, kể diễn cảm và vai trò của đọc, kể diễn cảm tác động đến sự tiếp nhận tác phẩm văn học của trẻ.

Học phần này còn cung cấp kiến thức chuyên sâu về các phương pháp, hình thức đọc, kể diễn cảm. Hướng dẫn và rèn luyện kỹ năng đọc, kể diễn cảm cho người học ở một số tác phẩm thơ, truyện trong chương trình mầm non. Những kiến thức của học phần Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm giúp người học nắm vững lý thuyết; thành thạo kỹ năng lựa chọn thơ, truyện cũng như kỹ năng đọc, kể diễn cảm

trong hoạt động cho trẻ làm quen với thơ, truyện ở trường mầm non

11. Ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN

2TC (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Không.

Học phần Ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN là học phần cơ sở ngành, gồm những nội dung: Giới thiệu tổng quan về ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN; giới thiệu về internet và cách sử dụng một số dịch vụ của internet như: email, tìm kiếm và chia sẻ thông tin; hướng dẫn sử dụng phần mềm MS PowerPoint để xây dựng các bài giảng; sử dụng các phần mềm để tạo, chỉnh sửa, xử lý âm thanh và phim; hướng dẫn sử dụng phần mềm Violet trong việc tạo ra một số trò chơi phục vụ việc tổ chức dạy học cho trẻ ở trường mầm non.

II.2. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

12. Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình

2TC: (LT:15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Giáo dục học mầm.

Những vấn đề lý luận cơ bản: Ý nghĩa của hoạt động tạo hình đối với sự phát triển trẻ toàn diện; đặc điểm hoạt động tạo hình của trẻ mầm non; giáo dục thẩm mỹ cho trẻ thông qua các phương tiện hoạt động tạo hình; nội dung và các thể loại hoạt động tạo hình của trẻ mầm non: vẽ, nặn, cắt dán, chắp ghép.

Tổ chức hoạt động tạo hình trong các cơ sở GDMN: Vị trí của hoạt động tạo hình và sáng tạo thẩm mỹ trong chương trình GDMN. Mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện tổ chức hoạt động tạo hình. Lập kế hoạch tổ chức và đánh giá hoạt động tạo hình và sáng tạo thẩm mỹ của trẻ.

13. Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc

2TC: (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ em mầm non.

Ý nghĩa của âm nhạc đối với trẻ. Đặc điểm cảm thụ và năng lực âm nhạc, múa của trẻ lứa tuổi mầm non. Vị trí của hoạt động âm nhạc trong chương trình GDMN. Mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện giáo dục âm nhạc ở trường mầm non. Hình thức và các thể loại tổ chức hoạt động âm nhạc của

trẻ mầm non: Ca hát, nghe nhạc, vận động theo nhạc, trò chơi âm nhạc.

14. Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ

2TC: (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm.

Học phần Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ giúp người học nắm được: Hệ thống tri thức khoa học cơ bản, hiện đại về phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ; Quan điểm duy vật biện chứng về mối liên hệ giữa ngôn ngữ với con người và các quy luật phát triển lời nói cho trẻ trước tuổi đến trường phổ thông; Đặc điểm ngôn ngữ của trẻ từng độ tuổi, nội dung, phương pháp, hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Biết cách tổ chức hoạt động cho trẻ nhận biết tập nói và làm quen chữ cái, chuẩn bị cho trẻ vào học lớp Một. Qua đó rèn cho người học kỹ năng soạn giảng, vận dụng các phương pháp phát triển ngôn ngữ vào quá trình thực hành sư phạm để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. Ngoài ra, người học biết vận dụng những tri thức của bộ môn vào việc giảng dạy và rèn luyện, trau dồi năng lực ngôn ngữ để nói, viết tiếng Việt đúng, hay. Từ đó, có lòng yêu quý tiếng mẹ đẻ.

15. Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động Làm quen văn học

2TC: (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm.

Vị trí của văn học trong giáo dục trẻ; văn học dân gian, văn học thiếu nhi trong và ngoài nước. Đặc điểm cảm thụ văn học của trẻ em. Vai trò của đọc kể diễn cảm trong việc phát triển hoạt động ngôn ngữ nghệ thuật của trẻ em lứa tuổi mầm non: chất giọng, logic đọc, ngữ điệu, ngắt nghỉ giọng, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ, lấy hơi. Các thức thể hiện các loại hình văn học: Đọc thơ, đọc và kể chuyện, sân khấu hóa các loại hình văn học.

Nhiệm vụ của việc cho trẻ tiếp xúc với văn học: Lập kế hoạch, đánh giá, phương pháp, biện pháp và hình thức đọc thơ, kể chuyện cho trẻ nghe; phương pháp và hình thức dạy trẻ thể hiện các tác phẩm văn học.

16. Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với toán

2TC: (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ em mầm non.

Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với toán là một học phần chuyên ngành GDMN được cấu trúc gồm 6 chương với những nội dung cơ bản đó là: Cơ sở lý luận và định hướng của quá trình cho trẻ mẫu giáo làm quen với toán, hình thành biểu tượng về số lượng, con số và phép đếm, kích thước, hình dạng, sự định hướng trong không gian và thời gian cho trẻ mẫu giáo. Những kiến thức trên hỗ trợ người học vận dụng vào việc lập kế hoạch, tổ chức hoạt động học tập và đánh giá trong môn học làm quen với toán nhằm phát triển nhận thức cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non.

17. Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh. 2TC: (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Giáo dục học mầm non.

Đây là một học phần chuyên ngành thuộc chương trình đào tạo ngành GDMN cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh ở trẻ mầm non bao gồm: những khái niệm cơ bản, ý nghĩa, đặc điểm nhận thức của trẻ mầm non về môi trường xung quanh, các nguyên tắc, nội dung, phương pháp và cách hướng dẫn tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh. Những kiến thức trên giúp người học vận dụng vào việc lập kế hoạch, tổ chức hoạt động học tập trong môn học khám phá khoa học về môi trường xung quanh nhằm phát triển nhận thức cho trẻ ở trường mầm non.

18. Những phương pháp giáo dục tích cực trong GDMN

2TC: (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Giáo dục học mầm non.

Học phần giúp người học có hiểu biết rõ ràng về quá trình dạy và học tích cực, hiểu biết về bản chất của dạy học tích cực, sự khác nhau giữa dạy học tích cực và dạy học thụ động, sự khác nhau giữa kế hoạch bài dạy trong dạy học tích cực và giáo án trong dạy học thụ động. Người học được tìm hiểu kĩ các phương pháp dạy học tích cực hiện nay như: phương pháp dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề, phương pháp dạy học hợp tác, phương pháp giáo dục Montessori, phương pháp giáo dục Reggio Emilia... Từ đó, người học có kỹ năng vận dụng các phương pháp dạy học tích cực này vào việc lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ, đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường hứng thú học tập cho trẻ mầm non.

Qua học phần, người học sẽ có cơ sở, yêu thích việc đổi mới phương pháp dạy học, góp phần thực hiện công tác chuyên môn hiệu quả và phát triển nghề nghiệp.

19. Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển vận động.

2TC: (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ em mầm non.

Lý luận cơ bản về giáo dục thể chất cho trẻ mầm non: nhiệm vụ, nội dung và phương tiện giáo dục thể chất; phát triển vận động chủ động cho trẻ lứa tuổi mầm non; phát triển các bài tập thể lực sáng tạo và tự lực của trẻ; cơ sở của việc dạy trẻ các thói quen và kỹ năng vận động; mối liên quan giữa phát triển các tố chất tâm vận động và thói quen vận động.

Nội dung và phương pháp dạy trẻ các bài tập vận động: Thể dục, trò chơi vận động, bài tập thụ động, bài tập chủ động, đội hình, đội ngũ, bài tập phát triển chung, vận động cơ bản; phương pháp tổ chức các hoạt động vận động của trẻ trong chế độ sinh hoạt tại trường mầm non, Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động phát triển và giáo dục thể chất cho trẻ ở các cơ sở GDMN.

20. Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN

2TC: (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ em mầm non.

Giới thiệu chương trình GDMN (cách tiếp cận, nguyên tắc và các bước phát triển); phân tích chương trình GDMN. Các điều kiện thực hiện chương trình (yếu tố con người, cơ chế quản lý và tổ chức thực hiện, cơ sở vật chất).

Phát triển chương trình và lập kế hoạch giáo dục: Quan điểm tiếp cận và hình thức thiết kế chương trình GDMN; cơ sở khoa học và thực tiễn của việc phát triển chương trình, xây dựng chế độ sinh hoạt và lập kế hoạch giáo dục; các bước phát triển chương trình và lập kế hoạch giáo dục; yêu cầu và các loại kế hoạch giáo dục trong trường mầm non.

Tổ chức thực hiện và đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN: Áp dụng các phương pháp phù hợp với sự phát triển của trẻ giúp trẻ phát triển trí tò mò, sáng tạo, khả năng giải quyết vấn đề và tư duy linh hoạt, phát triển thể lực, xã hội, tình cảm, thẩm mỹ và trí tuệ. Kiến thức và năng lực tổ chức, thực hiện các hoạt động học tập và giáo dục có ý nghĩa và mang tính tích hợp, xuất phát từ nhu cầu và hứng thú

của trẻ trong tất cả các nội dung giáo dục.

Xây dựng môi trường giáo dục: Khái niệm (môi trường giáo dục, môi trường vật chất, môi trường xã hội); nguyên tắc xây dựng môi trường giáo dục; các yêu cầu đối với môi trường giáo dục (thẩm mỹ, sư phạm, phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ); các bước xây dựng môi trường giáo dục theo chủ đề; tạo dựng, đánh giá và lựa chọn học liệu, trang thiết bị, môi trường giáo dục phù hợp với sự phát triển của trẻ.

21. Đánh giá trong GDMN 2TC (LT: 25; TH: 5)

Học phần tiên quyết: Giáo dục học mầm non.

Học phần Đánh giá trong GDMN gồm một số vấn đề chung về đánh giá trong GDMN: Khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và các kỹ thuật đánh giá (Đánh giá các hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non, chương trình GDMN và sự phát triển của trẻ dưới tác động của chương trình GDMN).

Qua đó hình thành những kỹ năng cơ bản trong việc đánh giá trẻ mầm non; rèn kỹ năng theo dõi, quan sát hành vi của trẻ trong các hoạt động hàng ngày và qua các chủ đề/chủ điểm; trung thực với kết quả đánh giá của trẻ; theo dõi các hoạt động đánh giá trẻ một cách có hệ thống và khoa học; khách quan, công bằng đúng mực đối với mọi trẻ, kể cả trẻ có nhu cầu đặc biệt, tạo sự phát triển toàn diện về thể lực, xã hội, tình cảm, thẩm mỹ và trí tuệ cho trẻ.

II.3. KIẾN THỨC BỔ TRỢ

Bắt buộc

22. Giáo dục hòa nhập 2TC (LT: 25; TH: 5)

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ em mầm non.

Học phần giáo dục hòa nhập cung cấp cho người học những vấn đề chung về trẻ khuyết tật; hình thức giáo dục hòa nhập và tính tất yếu của giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở bậc học mầm non; Có hiểu biết cơ bản về chiến lược thúc đẩy và hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non.

Học phần bước đầu giúp người học có khả năng xác định các dạng tật ở trẻ và cách thức (quy trình) tiến hành giáo dục hòa nhập; Biết xây dựng chiến lược thúc đẩy và hỗ trợ giáo dục hòa nhập.

Có lòng yêu nghề, yêu trẻ, có hứng thú trong công tác sư phạm; tin tưởng vào khả năng phát triển và hòa nhập xã hội của trẻ khuyết tật, tin vào tính khoa học và tính tất yếu của giáo dục hòa nhập.

23. Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến 2TC (LT: 25; TH: 5)

Học phần tiên quyết: Không.

Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến là học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản như khái niệm, ý nghĩa, quy trình, phương pháp, cách tiến hành, cách đánh giá một đề tài nghiên cứu khoa học Sư phạm ứng dụng và sáng kiến kinh nghiệm. Thông qua việc nghiên cứu học phần người học có thể biết cách đánh giá hay tự bản thân thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học hay sáng kiến kinh nghiệm trong quá trình giảng dạy hay quản lý giáo dục trong tương lai.

Tự chọn

24. Quản lí GDMN 2TC (LT: 25; TH: 5)

Học phần tiên quyết: Không.

Quản lý **GDMN** là một học phần chuyên ngành GDMN cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về quản lý trong GDMN bao gồm những khái niệm cơ bản, mục tiêu, chức năng, nguyên tắc, phương pháp; khái quát chung về trường mầm non, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn, các yêu cầu và nghiệp vụ quản lý của cán bộ quản lý trường mầm non; Giáo viên mầm non và công tác quản lý nhóm lớp trong trường mầm non. Những kiến thức trên giúp người học vận dụng vào việc xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm/lớp mầm non.

25. Phương pháp giáo dục dinh dưỡng và sức khoẻ cho trẻ mầm non.

2TC: (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Không.

Học phần Giáo dục dinh dưỡng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như: Những vấn đề chung về giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe; nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục dinh dưỡng ở trường mầm non và ở cộng đồng; một số bệnh liên quan trực tiếp đến dinh dưỡng và sức khỏe.

Học xong học phần này người học biết cách tổ chức các hoạt động giáo dục

dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ ở trường mầm non theo hướng tích hợp. Biết cách phòng chống một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ ở trường mầm non.

26. Nghề Giáo viên mầm non 2TC (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non.

Hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non: đối tượng hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non. Công cụ lao động, chức năng và các kỹ năng nghề giáo viên mầm non. Giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non. Khó khăn và tình huống sư phạm trong công tác của giáo viên mầm non.

Các giai đoạn phát triển nhân cách và nghề giáo viên mầm non: Con đường hình thành phẩm chất và năng lực của giáo viên mầm non. Định hướng, các giai đoạn phát triển nghề và các yêu cầu chuẩn của các bậc đào tạo. Các loại hình đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên đối với nghề giáo viên mầm non.

27. Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số

2TC (LT: 25; TH: 5)

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non.

Dạy trẻ nói tiếng Việt là một hoạt động quan trọng trong giáo dục mầm non. Học phần Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người Dân tộc thiểu số giúp cho sinh viên tiếp cận Chương trình tập nói tiếng việt cho trẻ mẫu giáo Dân tộc thiểu số như: Mục tiêu; nội dung - Kế hoạch dạy học; các yêu cầu cần đạt của chương trình tập nói tiếng Việt; phương pháp dạy học; công tác phối hợp giữa gia đình, cộng đồng trong việc dạy tập nói tiếng Việt cho trẻ và cách đánh giá kết quả học tập của trẻ.

Qua đó, giúp sinh viên đáp ứng được với vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, đặc biệt tại các vùng khó khăn có nhiều trẻ em người Dân tộc thiểu số sinh sống

II.4. TỐT NGHIỆP

28. Thực tập tốt nghiệp 2TC (TH: 90)

Học phần tiên quyết: Không.

Sinh viên thực hành như một giáo viên mầm non tham gia vào tất cả các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non; thiết kế và thực hiện chương trình; trên cơ sở khai thác các nguồn lực một cách hợp lý. Tiếp tục rèn luyện và thể

hiện kỹ năng giao tiếp với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp và cộng đồng; rèn luyện và thể hiện một cách có hiệu quả các kỹ năng tổ chức và quản lý nhóm lớp; rèn luyện kỹ năng đánh giá và điều chỉnh các hoạt động giáo dục trẻ.

29. Khóa luận tốt nghiệp 4TC

Học phần tiên quyết: Không.

Khóa luận tốt nghiệp là nội dung quan trọng trong chương trình đào tạo. Để được công nhận tốt nghiệp, sinh viên phải hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp, nhà trường tổ chức chấm khóa luận và công nhận kết quả hoặc học và thi hết môn hai học phần thay thế thi tốt nghiệp. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên tiến hành một nghiên cứu khoa học về một đề tài trong lĩnh vực giáo dục mầm non. Khóa luận tốt nghiệp tạo cơ hội để sinh viên thực hành khả năng nghiên cứu khoa học và tìm hiểu về một vấn đề mà sinh viên quan tâm

(Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp thì phải học 2 học phần sau)

30. Giao tiếp sư phạm của giáo viên Mầm non

2TC (LT: 25; TH: 5)

Học phần tiên quyết: Không.

Giao tiếp sư phạm của người giáo viên Mầm non là học phần trang bị cho người học những tri thức lý luận về khái niệm, đặc trưng cơ bản của giao tiếp và giao tiếp sư phạm; vai trò của giao tiếp sư phạm đối với sự phát triển nhân cách trẻ mầm non; các giai đoạn trong giao tiếp sư phạm; các phương tiện giao tiếp (ngôn ngữ và phi ngôn ngữ); các nguyên tắc, phong cách và kỹ năng giao tiếp sư phạm; rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống sư phạm trong chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non.

31. Múa và phương pháp biên soạn các bài múa cho trẻ mầm non

2TC (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Không.

Học phần Múa và phương pháp biên soạn các bài múa cho trẻ mầm non trang bị cho người học những hiểu biết sơ giản về nghệ thuật múa, rèn luyện các động tác múa cơ bản cũng như các tri thức và kỹ năng cốt yếu phục vụ cho việc biên soạn các bài múa cho trẻ mầm non. Học phần được thiết kế gồm 2 chương:

Chương 1: Múa bao gồm: Khái quát về nghệ thuật múa; một số động tác múa

dân gian của dân tộc Việt Nam, một số động tác múa hiện đại và điệu nhảy cơ bản.

Chương 2: Phương pháp biên soạn các bài múa cho trẻ mầm non bao gồm: Khái niệm về biên soạn; vai trò của việc biên soạn; quy trình biên soạn; thực hành biên soạn một số bài múa cho trẻ./.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Trí Khải